

Số: 006/TB-HKL

Ea Drăng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc giao, điều chuyển gỗ cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tích thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập Quyền sở hữu toàn dân; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Hạt Kiểm lâm khu vực Ea H'leo đang xây dựng phương án xử lý gỗ được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Có bảng kê lâm sản kèm theo) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đề nghị cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng gỗ tích thu để xây dựng trụ sở, hình thành máy móc, thiết bị làm việc của cơ quan nhà nước, xây dựng các công trình công cộng phục vụ cho nhu cầu dân sinh gửi văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản là gỗ theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong đó nêu rõ số lượng, khối lượng, loài gỗ (có bảng kê kèm theo) về Hạt Kiểm lâm khu vực Ea H'leo trước ngày 30 tháng 4 năm 2026 theo địa chỉ: 17 Điện Biên Phủ, xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk.

Yêu cầu cơ quan, đơn vị cam kết sử dụng tài sản được bàn giao, điều chuyển phải sử dụng theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao. / *th*

Nơi nhận:

- Cơ quan đơn vị có nhu cầu;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu VT, Th.

HẠT TRƯỞNG



Trịnh Ngọc Trí

Mẫu số 23: Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản

.....

 (1) _____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-ĐNGĐC

V/v đề nghị được tiếp nhận tài sản

là

Kính gửi:.....(2)

Chúng tôi được biết (2) là cơ quan chủ trì quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là(3)

Căn cứ quy định tại Thông tư số:...../2025/TT-BNNMT ngày...../.../2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Chúng tôi đề nghị được tiếp nhận tài sản là ... nêu trên để sử dụng....(4)

Chúng tôi cam kết sử dụng tài sản được bàn giao theo đúng mục đích và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để thất thoát tài sản được giao.

Trân trọng cảm ơn Quý cơ quan./.

CHỨC VỤ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan đề nghị giao.

(2) Tên cơ quan chủ trì quản lý tài sản.

(3) Ghi tên loại tài sản đề nghị giao.

(4) Mục đích theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 8 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.



BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI SẢN TỊCH THU SUNG QUỸ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Thông báo số 006/TB-HKL ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Hạt Kiểm lâm khu vực Ea H'leo)

Stt	Tên tài sản	Nhóm	Dvt	Quy cách hoặc đặc điểm tài sản	Gỗ tròn		Gỗ xẻ		Tổng cộng	Đơn giá	Tỷ lệ chất lượng còn lại (%)	Thành tiền	Ghi chú
					Số lượng	Khối lượng (m3)	Số lượng	Khối lượng (m3)					
1	Hương	2A	m3	25	12	0,156	7	0,082	0,238	25.000.000	70%	4.165.000	Quyết định số 0000010/QĐ-XPHC ngày 24/9/2024 Đội KLCD và PCCCR số 3
2	Sến	2	m3	Dài>2m; 15cm<Rộng<25cm			6	0,329	0,329	1.600.000	70%	368.480	Quyết định số 0000011/QĐ-TT ngày 10/12/2024 Đội KLCD và PCCCR số 3
	Ké	5	m3	Dài>2m; 25cm<ĐK<35cm	4	0,528			0,528	2.300.000	30%	364.320	
3	Bảng lẵng	3	m3	Dài>2m; ĐK=60cm	1	0,182			0,182	1.200.000	70%	152.880	Quyết định số 0000012/QĐ-TT ngày 27/3/2025 Đội KLCD và PCCCR số 3
				Dài>2m; 24cm<ĐK<30cm	12	0,877			0,877	2.300.000	30%	605.130	
4	Bảng lẵng	3	m3	Dài>2m; ĐK=75cm	1	0,977			0,977	2.300.000	15%	337.065	Quyết định số 0000013/QĐ-TT ngày 03/4/2025 Đội KLCD và PCCCR số 3
5	Ké	5	m3	Dài>2m; 20cm<ĐK<35cm	6	1,478			1,478	2.300.000	70%	2.379.580	Quyết định số 0000014/QĐ-TT ngày 04/4/2025 Đội KLCD và PCCCR số 3
6	Cây	6	m3	1n<Dài≤2m; 30 cm<ĐK<40cm	3	0,478			0,478	2.300.000	100%	1.099.400	Quyết định số 0290/QĐ-XPHC ngày 21/4/2025 của Hạt Kiểm lâm Ea H'Leo-Krông Búk

7	Thông ba lá	4	m ³	Dài>2m; 35cm<ĐK<60cm	4	1,909		1,909	3.200.000	100%	6.108.800	Quyết định số 000093/QĐ-TT ngày 18/7/2025 HKL khu vực Ea H'leo
8	Sén mù	2	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	10	0,350		0,350	4.860.000	100%	1.701.000	Quyết định số 00002/QĐ-XPHC ngày 13/8/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
	Ké	5	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	5	0,114		0,114	2.500.000	100%	285.000	
	Dầu nước	5	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	14	0,350		0,350	3.300.000	100%	1.155.000	
	Hu dầy	8	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	5	0,287		0,287	800.000	100%	229.600	
	Gáo vàng	7	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	4	0,069		0,069	2.500.000	100%	172.500	
	Chiêu liêu	3	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	4	0,164		0,164	2.900.000	100%	475.600	
9	Cắm liên	1	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	21	0,614		0,614	6.240.000	100%	3.831.360	Quyết định số 00003/QĐ-XPHC ngày 13/8/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
	Sén mù	2	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	15	0,581		0,581	4.860.000	100%	2.823.660	
	Cà na	6	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	6	0,308		0,308	1.100.000	100%	338.800	
	Dầu nước	5	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	6	0,212		0,212	3.300.000	100%	699.600	
	Hu dầy	8	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	9	0,334		0,334	800.000	100%	267.200	
	Xoài	5	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	3	0,120		0,120	1.500.000	100%	180.000	
10	Cắm liên	1	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	17	0,382		0,382	6.240.000	100%	2.383.680	Quyết định số 00004/QĐ-XPHC ngày 13/8/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
	Sén mù	2	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	15	0,509		0,509	4.860.000	100%	2.473.740	
	Cà na	6	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	6	0,175		0,175	1.100.000	100%	192.500	
	Dầu nước	5	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	6	0,152		0,152	3.300.000	100%	501.600	
	Hu dầy	8	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	8	0,365		0,365	800.000	100%	292.000	
	Xoài	5	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	3	0,139		0,139	1.500.000	100%	208.500	
11	Cắm liên	1	m ³	Dài<2m; ĐK<25cm	17	0,332		0,332	6.240.000	100%	2.071.680	Quyết định số 00008/QĐ-TT ngày 08/9/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
	Giáng hương	2a	m ³	1m<Dài<2m; ĐK<25cm	26	0,818		0,818	20.000.000	100%	16.360.000	
	Cắm xe	2	m ³	2m<Dài<7m; ĐK<25cm	4	0,438		0,438	6.400.000	100%	2.803.200	
12	Dầu đồng	5	m ³	2m<Dài<8m; 20cm<ĐK<30cm	23	6,949		6,949	3.200.000	100%	22.236.800	Quyết định số 00010/QĐ-XPHC ngày 11/9/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
	Giáng hương	2a	m ³	Dài>2m; ĐK<25cm	11	0,382		0,382	20.000.000	100%	7.640.000	
	Cắm xe	2	m ³	Dài>1m; ĐK<25cm	4	0,307		0,307	6.400.000	100%	1.964.800	
	Cắm liên	1	m ³	Dài>2m; ĐK<25cm	3	0,141		0,141	5.200.000	100%	733.200	
	Thầu tầu	5	m ³	Dài>1m; ĐK<25cm	2	0,099		0,099	1.500.000	100%	148.500	
Bộp (Đa xanh)	8	m ³	Dài=2m; ĐK=16cm	1	0,040		0,040	4.100.000	100%	164.000		

13	Thông ba lá	4	m3	Dài>4m; ĐK<25cm	4	0,915		0,915	3.200.000	100%	2.928.000	Quyết định số 00012/QĐ-TT ngày 23/9/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo	
14	Cây (Kơ Nĩa)	6	m3	Dài>2m; 18cm<Rộng<35cm			47	0,565	0,565	4.720.000	55%	1.466.740	Quyết định số 00015/QĐ-XPHC ngày 08/10/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
15	Cắm xe	2	m3	Dài>1.5m; 16cm<ĐK<25cm	63	2,714		2,714	40.710.000	30%	33.146.082	Quyết định số 00017/QĐ-TT ngày 20/10/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo	
16	Cà chít	3	m3	Dài<2m; ĐK<35cm	18	0,534		0,534	2.900.000	100%	1.548.600	Quyết định số 000019/QĐ-XPHC ngày 24/10/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo	
	Kiên kiên	2	m3	Dài<1m; ĐK<30cm	3	0,122		0,122	5.100.000	100%	622.200		
	Cắm xe	2	m3	Dài<1m; ĐK<36cm	8	0,263		0,263	6.400.000	100%	1.683.200		
	Sao xanh	8	m3	Dài>1m; Rộng=42			1	0,040	0,040	5.500.000	100%		220.000
	Giáng hương	2a	m3	Gốc, cành, nhánh, rễ	5	0,105		0,105	25.000.000	70%	1.837.500		
17	Hương	2A	m3	Dài<1m; 08cm<Rộng<15cm	12	0,906		0,906	20.000.000	100%	18.120.000	Quyết định số 00026/QĐ-TT ngày 31/10/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo	
18	Cà chít	3	m3	Dài>4m; ĐK<25cm	3	0,155		0,155	2.900.000	100%	449.500	Quyết định số 00032/QĐ-TT ngày 18/11/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo	
	Cắm xe	2	m3	Dài>6m; ĐK<17cm	3	0,254		0,254	6.400.000	100%	1.625.600		
	Dầu đồng	5	m3	Dài>6m; ĐK<17cm	3	0,237		0,237	3.200.000	100%	758.400		
	Xoài	5	m3	Dài>5m; ĐK<15cm	2	0,093		0,093	1.500.000	100%	139.500		
	Vừng	5	m3	Dài=3,3m; ĐK=15cm	1	0,117		0,117	1.500.000	100%	175.500		

19	Gỗ cây	6	m3	Dài>2m; 16cm<Rộng<25cm			11	0,761	0,761	2.900.000	100%	2.206.900	Quyết định số 00041/QĐ-TT ngày 29/12/2025 của Hạt Kiểm lâm KV Ea H'Leo
	Tap	6	m3	Dài>2m; 14cm<Rộng<15cm			65	0,899	0,899	5.100.000	100%	4.584.900	
20					416	27,731	137	2,594	30,325			155.261.797	

Trong đó: - Gỗ tròn: 27,731 m3 (416 lóng, cục)

- Gỗ xẻ: 2,594 m3 (137 phách, hộp)

Tổng Khối lượng 30,325 m³

Ea Drăng, ngày 31 tháng 3 năm 2026

Người Lập Biểu



Sa Hao Lê Thanh